

**NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ
PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC HÀ NỘI**

*Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
đã được kiểm toán*



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 – 03
Báo cáo kiểm toán	04
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	05 – 33
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05 – 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09 – 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11 – 33

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo Dục Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 310/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tòa nhà HEID – Ngõ 12 Láng Hạ – Quận Ba Đình – TP Hà Nội (trước đây là 187B Giảng Võ – Phường Cát Linh – Quận Đống Đa – TP Hà Nội).

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Ngô Trần Ái	Chủ tịch danh dự
Ông Mạc Văn Thiện	Chủ tịch
Ông Vũ Bá Khánh	Phó chủ tịch
Bà Trần Thị Như Hà	Ủy viên
Bà Dương Thị Việt Hà	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Bá Khánh	Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Như Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Hồng	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát:

Bà Đỗ Thị Phương	Trưởng ban
Bà Phí Ngọc Uyên	Thành viên
Ông Phạm Văn Cẩn	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội

Địa chỉ: Tòa nhà HEID – Ngõ 12 Láng Hạ – Quận Ba Đình – TP Hà Nội

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

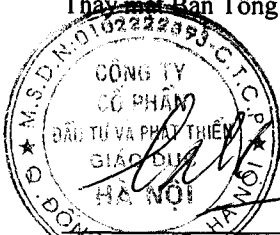
Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC, ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Vũ Bá Khánh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2013



Số: 387/2013/BC.KTTC-AASC.KT5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội được lập ngày 06 tháng 03 năm 2013 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày từ trang 05 đến trang 33 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

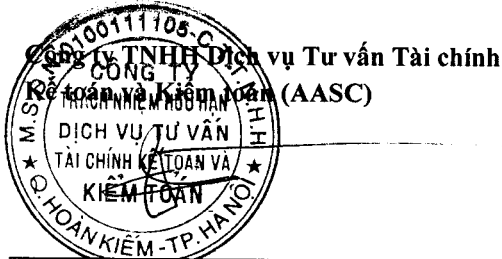
Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra và áp dụng các thử nghiệm cần thiết theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo tài chính hợp nhất về các vấn đề sau :
Như đã trình bày tại Thuyết minh số 2.18, theo hướng dẫn của Thông tư 123/2012/TT-BTC ngày 27/07/2012 thì phần thu nhập của doanh nghiệp có được từ hoạt động xuất bản theo quy định của Luật Xuất bản sẽ được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động. Tuy nhiên, tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này do chưa có hướng dẫn cụ thể của các cơ quan chức năng về việc áp dụng nội dung của văn bản nêu trên đối với đặc thù hoạt động của Công ty nên Công ty đang thực hiện tính thuế TNDN phải nộp theo thuế suất hiện hành là 25%.



Nguyễn Thanh Tùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số: Đ0063/KTV

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2013

1 Le Phung Hieu, Ha Noi, Viet Nam | Tel.: +84-4-3824-1990/1 | Fax.: +84-4-3825-3973
aaschn@hn.vnn.vn | www.aasc.com.vn

Nguyễn Ngọc Lân
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số: 1427/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		178.779.644.960	233.887.947.537
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	22.723.397.633	46.313.892.365
111	1. Tiền		3.723.397.633	17.313.892.365
112	2. Các khoản tương đương tiền		19.000.000.000	29.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	19.711.500	3.280.175.308
121	1. Đầu tư ngắn hạn		118.776.400	3.374.036.608
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(99.064.900)	(93.861.300)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		49.234.201.976	41.173.101.176
131	1. Phải thu khách hàng		34.750.128.423	34.289.986.904
132	2. Trả trước cho người bán		12.004.036.486	8.567.557.466
135	3. Các khoản phải thu khác	5	7.425.357.580	3.109.687.962
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(4.945.320.513)	(4.794.131.156)
140	IV. Hàng tồn kho	6	97.324.354.926	131.614.564.175
141	1. Hàng tồn kho		103.711.504.773	138.808.548.923
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(6.387.149.847)	(7.193.984.748)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		9.477.978.925	11.506.214.513
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	7.283.988.512	11.007.738.775
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.819.805.787	62.271.518
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	8	235.605.626	93.903.220
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	9	138.579.000	342.301.000

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		117.342.254.712	8.160.435.816
220	I. Tài sản cố định		1.576.350.582	1.120.635.816
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	1.576.350.582	1.120.635.816
222	- Nguyên giá		5.200.575.939	3.345.881.401
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.624.225.357)	(2.225.245.585)
240	II. Bất động sản đầu tư	11	84.627.434.318	-
241	- Nguyên giá		87.244.777.643	-
242	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.617.343.325)	-
250	III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	12	7.750.000.000	7.000.000.000
258	2. Đầu tư dài hạn khác		7.750.000.000	7.000.000.000
260	IV. Tài sản dài hạn khác		87.200.000	39.800.000
268	1. Tài sản dài hạn khác		87.200.000	39.800.000
269	V. Lợi thế thương mại		23.301.269.812	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		296.121.899.672	242.048.383.353

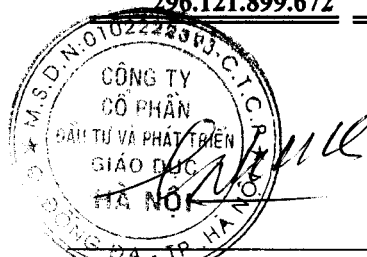
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
300	A . NỢ PHẢI TRẢ		99.608.220.850	70.546.239.003
310	I. Nợ ngắn hạn		78.227.365.880	70.480.259.125
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	13	40.379.025.896	-
312	2. Phải trả người bán		15.120.882.282	41.839.062.001
313	3. Người mua trả tiền trước		2.272.469.424	2.385.118.926
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	1.028.412.315	6.677.363.270
315	5. Phải trả người lao động		2.736.194.536	2.552.950.551
316	6. Chi phí phải trả	15	5.249.032.731	2.563.173.201
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	16	10.869.952.162	14.264.802.088
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		571.396.534	197.789.088
330	II. Nợ dài hạn		21.380.854.970	65.979.878
333	1. Phải trả dài hạn khác		1.222.026.000	-
334	2. Vay và nợ dài hạn	17	20.000.000.000	-
336	3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		-	65.979.878
338	4. Doanh thu chưa thực hiện		158.828.970	-
400	B . VỐN CHỦ SỞ HỮU		196.513.678.822	171.502.144.350
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	196.513.678.822	171.502.144.350
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		150.000.000.000	150.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		24.166.950	-
414	3. Cổ phiếu quỹ		(3.200.876.950)	(3.401.210.000)
417	4. Quỹ đầu tư phát triển		4.118.859.101	3.921.741.838
418	5. Quỹ dự phòng tài chính		10.595.660.942	8.150.159.024
419	6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		5.603.518.211	4.075.079.512
420	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		29.372.350.568	8.756.373.976
439	C . LỢI ÍCH CỎ ĐỒNG THIỂU SỐ		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		296.121.899.672	242.048.383.353

Dương Thị Việt Hà
Kế toán trưởng



Vũ Bá Khánh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2013

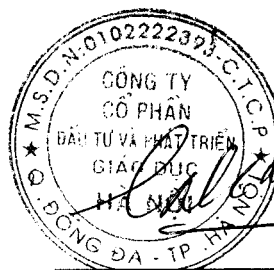
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2012

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
1	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	327.031.381.415	276.650.903.145
2	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		4.724.115.495	909.370.355
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		322.307.265.920	275.741.532.790
11	4. Giá vốn hàng bán	20	237.163.458.343	204.171.372.550
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		85.143.807.577	71.570.160.240
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	1.982.901.243	4.318.863.803
22	7. Chi phí tài chính	22	11.469.755.914	3.766.026.935
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		9.486.279.878	3.401.425.233
24	8. Chi phí bán hàng	23	22.041.417.803	18.196.652.271
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	17.141.144.303	16.836.134.544
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		36.474.390.800	37.090.210.293
31	11. Thu nhập khác		841.603.165	87.736.644
32	12. Chi phí khác		1.017.347.694	-
40	13. Lợi nhuận khác		(175.744.529)	87.736.644
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		36.298.646.271	37.177.946.937
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25	6.926.295.703	6.609.172.961
60	16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		29.372.350.568	30.568.773.976
62	16.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		29.372.350.568	30.568.773.976
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	2.013	2.051



Dương Thị Việt Hà
Kế toán trưởng



Vũ Bá Khánh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2012

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		324.156.360.095	257.176.893.177
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(240.217.763.090)	(204.198.613.463)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(15.350.072.194)	(13.872.036.980)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(9.349.570.661)	(3.401.425.233)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(13.020.750.290)	(3.042.422.082)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		10.726.091.112	4.589.494.638
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(6.404.648.322)	(5.165.682.958)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		50.539.646.650	32.086.207.099
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(103.908.181)	(50.408.182)
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(9.500.000.000)	(42.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		12.755.260.208	42.000.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác ^[1]		(126.000.000.000)	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		80.892.179	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.837.988.516	4.375.315.416
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(120.929.767.278)	4.324.907.234
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		224.500.000	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	(3.401.210.000)
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		245.254.972.836	111.801.879.019
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(184.875.946.940)	(111.801.879.019)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(13.803.900.000)	(17.008.500.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		46.799.625.896	(20.409.710.000)

^[1] Trong đó: Số tiền Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội đã thanh toán cho Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu Khí để mua lại Công ty con - Công ty TNHH Một thành viên Hồng Hà Thành Công là: 125.000.000.000 đồng.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2012

(Theo phương pháp trực tiếp)

(tiếp theo)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(23.590.494.732)	16.001.404.333
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		46.313.892.365	30.312.488.032
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>22.723.397.633</u>	<u>46.313.892.365</u>



Dương Thị Việt Hà
Kế toán trưởng



Vũ Bá Khánh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

1. THÔNG TIN CHUNG**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 310/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tòa nhà HEID – Ngõ 12 Láng Hạ – Quận Ba Đình – TP Hà Nội (trước đây là 187B Giảng Võ – Phường Cát Linh – Quận Đống Đa – TP Hà Nội).

Vốn điều lệ của Công ty là: 150.000.000.000 đồng; Tương đương 15.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Công ty có các công ty con tại thời điểm 31/12/2012 được hợp nhất vào Báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm :

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Một thành viên Hồng Hà Thành Công	Hà Nội	100%	100%	Kinh doanh Bất động sản và xây dựng

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần 3: số 01022222393 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 20 tháng 09 năm 2010, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Phát hành xuất bản phẩm;
- In và các dịch vụ liên quan đến in;
- In và phát hành hỗ trợ sách giáo khoa, sách tham khảo chất lượng cao, các sản phẩm giáo dục theo hướng đổi mới phương pháp dạy học, tự học và các loại sản phẩm giáo dục khác;
- Kinh doanh các sản phẩm thiết bị giáo dục, thiết bị văn phòng, các phần mềm giáo dục, văn phòng phẩm, vở học sinh, quần áo, đồng phục cho học sinh và lịch các loại;
- Dịch vụ tư vấn, đầu tư, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực giáo dục đào tạo, tư vấn du học, lập dự án đào tạo;
- Khai thác, cung cấp dịch vụ giáo dục, đào tạo qua mạng internet, qua các phương tiện viễn thông;
- Thiết kế mỹ thuật, chế bản, tạo mẫu in (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Dịch vụ dịch thuật, phiên dịch, biên dịch và mua bán bản quyền tác giả;
- Tư vấn và cung cấp dịch vụ biên soạn, thiết kế nội dung chương trình dạy học, phòng học chuyên dùng và phương tiện dạy học;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng, khu đô thị;
- Quản lý, vận hành công trình dân dụng, công nghiệp, nhà ở, khu văn phòng, khu đô thị, khu chung cư, khu công nghiệp, khu du lịch, trung tâm thương mại (không bao gồm kinh doanh bất động sản);
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Dịch vụ ủy thác xuất, nhập khẩu;
- Xuất nhập khẩu các sản phẩm, hàng hóa Công ty kinh doanh.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).



2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của công ty con được lập cho cùng năm tài chính với báo cáo tài chính của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

2.4. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá mua so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó và không quá 10 năm.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

2.5. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính

được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.6. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07/12/2009.

2.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

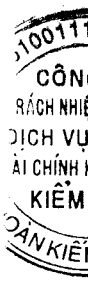
Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: Tại Công ty mẹ chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định theo giá trị nguyên vật liệu đã xuất và đang còn tồn tại các đơn vị nhận gia công; Tại Công ty con chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm lập báo cáo tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

2.9. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.



Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng hữu ích và phù hợp với hướng dẫn theo Quyết định số 203/2009/QĐ-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	12 – 25 năm
Phương tiện vận tải	06 – 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm

2.10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	12 – 25 năm
------------------------	-------------

2.11. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu Kho bạc, Tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE); nếu chứng khoán chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định theo giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) tại ngày lập dự phòng hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng. Trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi thì giá trị thị trường là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.
- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế khác: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính của tổ chức kinh tế khác.

2.12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

2.13. Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Riêng Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ được phân bổ vào giá vốn hàng bán căn cứ theo giá trị vật tư, thành phẩm, hàng hóa và giá trị dở dang còn tồn tại thời điểm cuối kỳ kế toán.

2.14. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.15. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.16. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.17. Ghi nhận chi phí tài chính

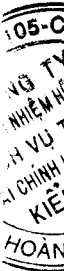
Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.18. Các khoản thuế*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.



Tại Công ty mẹ- Công ty Cổ phần Sách và Giáo dục tại Thành phố Hà Nội

Theo hướng dẫn của Thông tư 123/2012/TT-BTC ngày 27/07/2012 thì phần thu nhập của doanh nghiệp có được từ hoạt động xuất bản theo quy định của Luật Xuất bản sẽ được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động. Tuy nhiên, tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính này do chưa có hướng dẫn cụ thể của các cơ quan chức năng về việc áp dụng nội dung của văn bản nêu trên đối với đặc thù hoạt động của Công ty nên Công ty đang thực hiện tính thuế TNDN phải nộp theo thuế suất hiện hành là 25%. Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh Báo cáo tài chính khi có hướng dẫn cụ thể của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Công ty được giảm 30% số thuế TNDN phải nộp năm 2012 do là Doanh nghiệp nhỏ và vừa theo hướng dẫn của Thông tư số 140/2012/TT-BTC ngày 21/08/2012 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Nghị định số 60/2012/NĐ-CP ngày 30/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 29/2012/QH13 của Quốc hội về ban hành một số chính sách thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho tổ chức và cá nhân.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	187.528.215	509.479.394
Tiền gửi ngân hàng	3.535.869.418	16.804.412.971
Các khoản tương đương tiền	19.000.000.000	29.000.000.000
	22.723.397.633	46.313.892.365

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	118.776.400	118.776.400
Đầu tư ngắn hạn khác	-	3.255.260.208
- Cho Nhà xuất bản giáo dục vay	-	3.255.260.208
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	(99.064.900)	(93.861.300)
	19.711.500	3.280.175.308

	Cuối năm		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		118.776.400		118.776.400
- LSS	625	21.500.000	625	21.500.000
- QNC	8	276.400	8	276.400
- PHH	800	22.400.000	800	22.400.000
- STL	1.500	74.600.000	1.500	74.600.000
Đầu tư ngắn hạn khác		-		3.255.260.208
- Cho Nhà xuất bản giáo dục vay		-		3.255.260.208
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(99.064.900)		(93.861.300)
		19.711.500		3.280.175.308

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải thu khác	7.425.357.580	3.109.687.962
- Phải thu về tiền góp vốn xin cấp đất làm nhà kho tại Xã Tiên Dương- Đông Anh- Hà Nội ^[1]	1.723.950.000	2.040.511.000
- Phải thu về tiền góp vốn Dự án Trung tâm xuất bản- Phát hành SGK ^[2]	300.000.000	300.000.000
- Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	61.750.000	-
- Phải thu Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu Khí ^[3]	5.018.335.895	-
- Phải thu các đối tượng khác	321.321.685	769.176.962
	7.425.357.580	3.109.687.962

^[1]Theo Hợp đồng góp vốn số 47/2010/HĐGV ngày 15/07/2010 theo hình thức tài sản đồng kiểm soát giữa Công ty Cổ phần in Sách giáo khoa tại TP Hà Nội và các bên là: Công ty Cổ phần Học liệu Giáo dục tại Hà Nội; Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội; Công ty Cổ phần Sách Thiết bị Giáo dục Miền Bắc; Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP Hà Nội đã thống nhất thực hiện góp vốn để cùng thực hiện Dự án xin cấp đất mở rộng mặt bằng sản xuất. Theo đó, Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa tại Thành phố Hà Nội là đơn vị đại diện thực hiện các thủ tục và theo dõi chi phí của dự án.

- Địa điểm thực hiện tại: Xã Tiên Dương- Huyện Đông Anh- TP Hà nội. Diện tích khu đất là 7.662 m².
- Mục đích sử dụng đất: Dùng làm kho, xưởng sản xuất của các bên liên quan.
- Tổng vốn góp dự kiến: 7.662.000.000 đồng, trong đó: phần góp vốn của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội là 25% tương đương: 1.915.500.000 đồng.

^[2]Đây là khoản tiền góp vốn của Công ty để cùng thực hiện dự án: "Xây dựng Trung tâm Xuất bản- Phát hành Sách Giáo khoa" theo Hợp đồng góp vốn số 1B/2010/HĐGV ngày 08/07/2010 với Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

^[3]Theo cam kết tại Hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ vốn điều lệ Công ty TNHH Một thành viên Hồng Hà Thành Công số 01/2012/HHTC-HĐCNV ngày 04/03/2012 và Biên bản thỏa thuận giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội và Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí: Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí sẽ phải chịu trách nhiệm đối với toàn bộ các khoản công nợ, nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác với các bên thứ 3 phát sinh và có nguồn gốc phát sinh tại Công ty TNHH Một thành viên Hồng Hà Thành Công từ ngày 31/03/2012 trở về trước.

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	48.130.129.547	93.686.310.034
Công cụ, dụng cụ	6.100.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	20.443.709.065	7.283.417.944
Thành phẩm	18.864.154.017	23.285.316.342
Hàng hoá	12.350.699.947	11.787.817.677
Hàng gửi đi bán	3.916.712.197	2.765.686.926
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(6.387.149.847)	(7.193.984.748)
	97.324.354.926	131.614.564.175

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ chờ phân bổ ^[1]	5.494.072.865	7.037.858.693
Chi phí thuê cửa hàng, thuê kho chờ phân bổ	1.293.745.455	170.038.552
Chi phí bán thảo, chi phí quản lý xuất bản chờ phân bổ	209.778.000	3.799.841.530
Chi phí chờ phân bổ khác	286.392.192	-
	<u>7.283.988.512</u>	<u>11.007.738.775</u>

^[1]Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ được phân bổ căn cứ vào giá trị nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa, giá trị dở dang tồn kho tại thời điểm 31/12/2012.

8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân	227.762.626	90.903.220
Các khoản khác phải thu Nhà nước	7.843.000	3.000.000
	<u>235.605.626</u>	<u>93.903.220</u>

9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tạm ứng	138.579.000	342.301.000
	<u>138.579.000</u>	<u>342.301.000</u>

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	-	2.804.106.753	541.774.648	3.345.881.401
Số tăng trong năm	1.750.786.357	-	115.398.181	1.866.184.538
- Mua trong năm	-	-	103.908.181	103.908.181
- Tăng do phân loại lại	-	-	11.490.000	11.490.000
- Tăng từ hợp nhất Công ty con	1.750.786.357	-	-	1.750.786.357
Số giảm trong năm	-	(11.490.000)	-	(11.490.000)
- Giảm do phân loại lại	-	(11.490.000)	-	(11.490.000)
Số dư cuối năm	1.750.786.357	2.792.616.753	657.172.829	5.200.575.939
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	1.730.304.783	494.940.802	2.225.245.585
Số tăng trong năm	875.093.169	478.928.204	44.958.399	1.398.979.772
- Khấu hao trong năm	109.386.648	478.928.204	44.958.399	633.273.251
- Tăng từ hợp nhất Công ty con	765.706.521	-	-	765.706.521
Số giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư cuối năm	875.093.169	2.209.232.987	539.899.201	3.624.225.357
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	-	1.073.801.970	46.833.846	1.120.635.816
Tại ngày cuối năm	875.693.188	583.383.766	117.273.628	1.576.350.582

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 449.244.739 đồng.

11. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	-	-
Số tăng trong năm	87.958.624.916	87.958.624.916
- Đầu tư XD CB hoàn thành	87.958.624.916	87.958.624.916
Số giảm trong năm	(713.847.273)	(713.847.273)
- Thanh lý, nhượng bán	(713.847.273)	(713.847.273)
Số dư cuối năm	87.244.777.643	87.244.777.643
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	-	-
Khấu hao trong năm	2.624.481.798	2.624.481.798
- Khấu hao trong năm	2.624.481.798	2.624.481.798
Số giảm trong năm	(7.138.473)	(7.138.473)
- Thanh lý, nhượng bán	(7.138.473)	(7.138.473)
Số dư cuối năm	2.617.343.325	2.617.343.325
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	-	-
Tại ngày cuối năm	84.627.434.318	84.627.434.318

Giá trị còn lại cuối năm của Bất động sản đầu tư đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 84.627.434.318 đồng.

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Đầu tư dài hạn khác	7.750.000.000	7.000.000.000
Công ty CP Thiết bị Giáo dục II	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty CP Dịch vụ Phát triển Xuất bản Giáo dục Hà Nội	750.000.000	750.000.000
Công ty CP Sách Thiết bị trường học Hà Tây	3.000.000.000	3.000.000.000
Viện Công nghệ Giáo dục ^[1]	-	250.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Tia Sáng mới	1.000.000.000	-
	7.750.000.000	7.000.000.000

^[1]Theo Biên bản số 1997/BB-NXBGDVN ngày 20/11/2012 về việc quyết toán vốn góp vào viện Công nghệ Giáo dục, các bên đã thống nhất quyết toán, chấm dứt đầu tư và phân bổ số chi phí đầu tư cho các bên. Trong đó, chi phí phân bổ cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội là 169.107.821 đồng. Số chi phí này đã được Công ty hạch toán vào chi phí hoạt động tài chính trong kỳ. Số tiền còn lại của khoản đầu tư là 80.892.179 đồng đã được hoàn trả bằng tiền mặt vào tháng 12 năm 2012.

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn ngân hàng	40.379.025.896	-
- Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	40.379.025.896	-
	40.379.025.896	-

Hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐTDHM-HEID ngày 01/04/2012 giữa bên cho vay là Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam- Chi nhánh Hà Nội với các điều khoản cụ thể sau:

- Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 đồng;
- Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng đến ngày 01/04/2013;
- Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu SXKD;
- Thời hạn cho vay được quy định trên từng giấy nhận nợ nhưng tối đa là 9 tháng;
- Lãi suất được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ;
- Phương thức cho vay: Theo hạn mức tín dụng;
- Phương thức đảm bảo tiền vay là tín chấp.

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	473.065.552	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	422.616.921	6.517.071.508
Thuế thu nhập cá nhân	132.729.842	156.915.905
Các loại thuế khác	-	3.375.857
	1.028.412.315	6.677.363.270

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay phải trả	136.709.217	-
Trích trước chi phí tăng công in	124.336.258	157.261.209
Trích trước chi phí tổ chức bàn thảo, quản lý xuất bản	2.952.817.500	1.196.255.287
Trích trước chi phí tăng chiết khấu phát hành	1.175.656.838	1.209.656.705
Trích trước chi phí vận chuyển	859.512.918	-
	5.249.032.731	2.563.173.201

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	227.270.977	111.052.802
Bảo hiểm xã hội	-	1.807.741
Bảo hiểm y tế	10.089.388	278.092
Bảo hiểm thất nghiệp	4.188.585	145.923
Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.628.403.212	14.151.517.530
- <i>Cổ tức phải trả cổ đông</i>	-	13.803.900.000
- <i>Phải trả bà Phạm Thị Thu Ngân^[1]</i>	8.907.000.000	-
- <i>Phải trả Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu Khí^[2]</i>	1.721.403.212	-
- <i>Phải trả, phải nộp khác</i>	-	347.617.530
	10.869.952.162	14.264.802.088

^[1] Công ty đã thực hiện ký kết hợp đồng kinh tế số 01 ngày 25/05/2012 để nhượng lại các căn hộ tại ngôi nhà chung cư 5 tầng lô A2-DDN, phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội cho Bà Phạm Thị Thu Ngân (là các căn hộ Công ty đã ký hợp đồng mua lại từ năm 2007 nhưng chưa thực hiện xong thủ tục sang tên đổi chủ nên chưa hạch toán là TSCĐ của Công ty). Thực hiện theo hợp đồng này Bà Phạm Thị Thu Ngân đã thực hiện ứng trước cho Công ty số tiền là 8.907.000.000 đồng, tại thời điểm 31/12/2012 Công ty chưa thực hiện kê khai và tạm nộp thuế TNDN do hợp đồng này chưa chắc chắn được thực hiện thành công (do hợp đồng có quy định phải hoàn tất thủ tục sang tên cho bên mua mới được hoàn tất). Toàn bộ thu nhập phát sinh từ các giao dịch này và các khoản thuế có liên quan chỉ được Công ty thực hiện hạch toán khi hoàn tất toàn bộ các nội dung của hợp đồng và bàn giao tài sản cho bên mua.

^[2]Theo cam kết tại Hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ vốn điều lệ Công ty TNHH Một thành viên Hồng Hà Thành Công số 01/2012/HHTC-HĐCNV ngày 04/03/2012 và Biên bản thỏa thuận giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội và Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí: Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí sẽ phải chịu trách nhiệm đối với toàn bộ các khoản công nợ, nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác với các bên thứ 3 phát sinh và có nguồn gốc phát sinh tại Công ty TNHH Một thành viên Hồng Hà Thành Công từ ngày 31/03/2012 trở về trước.

17. VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay dài hạn ngân hàng	20.000.000.000	-
- Vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	20.000.000.000	-
	20.000.000.000	-

Hợp đồng tín dụng số 02-2012/ HĐ TDHM-HEID ngày 20/04/2012 giữa bên cho vay là Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam- Chi nhánh Hà nội với các điều khoản cụ thể sau:

- Hạn mức tín dụng: 60.000.000.000 đồng;
- Thời hạn cho vay: 60 tháng;
- Mục đích sử dụng tiền vay: Mua lại 100% vốn của Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công;
- Phương thức áp dụng lãi suất cho vay: Lãi suất thả nổi;
- Tài sản đảm bảo gồm: Tòa nhà K3B Thành Công tại địa chỉ K3B ngõ 6A, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Hà nội thuộc sở hữu của Công ty TNHH Một thành viên Hồng Hà Thành Công. Giá trị tài sản đảm bảo: 87.959.857.253 đồng; và toàn bộ phần vốn góp của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội tại Công ty TNHH Một thành viên Hồng Hà Thành Công, giá trị: 110.000.000.000 đồng.

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	150.000.000.000	-	-	3.921.741.838	8.150.159.024	4.075.079.512	9.000.000.000	175.146.980.374
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	30.568.773.976	30.568.773.976
Trả cổ tức đợt 2 năm 2010 bằng tiền	-	-	-	-	-	-	(9.000.000.000)	(9.000.000.000)
Tạm ứng cổ tức năm 2011 bằng tiền cho Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	-	-	-	-	-	-	(8.008.500.000)	(8.008.500.000)
Trích tạm ứng cổ tức năm 2011 cho các cổ đông khác	-	-	-	-	-	-	(13.803.900.000)	(13.803.900.000)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(3.401.210.000)	-	-	-	-	(3.401.210.000)
Số dư đầu năm nay	150.000.000.000	-	(3.401.210.000)	3.921.741.838	8.150.159.024	4.075.079.512	8.756.373.976	171.502.144.350
Bán Cổ phiếu quỹ	-	24.166.950	200.333.050	-	-	-	-	224.500.000
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	29.372.350.568	29.372.350.568
Trích lập các quỹ ^[1]	-	-	-	197.117.263	2.445.501.918	1.528.438.699	(4.171.057.880)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi ^[1]	-	-	-	-	-	-	(4.585.316.096)	(4.585.316.096)
Số dư cuối năm nay	150.000.000.000	24.166.950	(3.200.876.950)	4.118.859.101	10.595.660.942	5.603.518.211	29.372.350.568	196.513.678.822

^[1]Công ty mẹ đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2011 theo Nghị quyết số 04-2012/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/04/2012, cụ thể như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế	100%	30.568.773.976
Trích Quỹ Dự phòng tài chính	8%	2.445.501.918
Trích bổ sung vốn điều lệ	5%	1.528.438.699
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15%	4.585.316.096
Chi trả cổ tức (đã thực hiện tạm ứng trong năm 2011)	15%/Cổ phần	21.812.400.000
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	Lợi nhuận còn lại	197.117.263

Lợi nhuận sau thuế năm 2012 sẽ được Công ty mẹ phân phối khi Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 được thông qua.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	53.390.000.000	35,59%	53.390.000.000	35,59%
Vốn góp của đối tượng khác	96.610.000.000	64,41%	96.610.000.000	64,41%
Cộng	150.000.000.000	100,00%	150.000.000.000	100,00%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	150.000.000.000	150.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	150.000.000.000	150.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	30.812.400.000
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	-	9.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm nay	-	21.812.400.000

d) Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	431.400	458.400
- Cổ phiếu phổ thông	431.400	458.400
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.568.600	14.541.600
- Cổ phiếu phổ thông	14.568.600	14.541.600
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

19. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	324.567.109.864	275.907.665.145
- Doanh thu sách giáo khoa, sách bổ trợ	205.816.993.701	177.031.376.623
- Doanh thu lịch Block	6.814.157.913	1.612.042.611
- Doanh thu sách tham khảo	49.860.978.621	54.140.121.246
- Doanh thu thiết bị giáo dục, nhượng bán vật tư và doanh thu hàng khai thác ngoài	62.074.979.629	43.124.124.665
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.415.514.278	743.238.000
Doanh thu hợp đồng xây dựng	1.048.757.273	-
	327.031.381.415	276.650.903.145

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá, thành phẩm	234.297.054.173	200.520.855.646
- Giá vốn sách giáo khoa, sách bổ trợ	147.683.505.548	130.655.989.885
- Giá vốn lịch Block	4.991.851.629	639.921.003
- Giá vốn sách tham khảo	30.516.060.419	29.879.285.379
- Giá vốn thiết bị giáo dục, nhượng bán vật tư và giá vốn hàng khai thác ngoài	51.105.636.577	39.345.659.379
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.624.481.798	-
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	1.048.757.273	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(806.834.901)	3.650.516.904
	237.163.458.343	204.171.372.550

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.310.043.016	4.245.460.803
Cổ tức, lợi nhuận được chia	589.695.500	73.403.000
Chiết khấu thanh toán được hưởng	83.162.727	-
	1.982.901.243	4.318.863.803

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền vay	9.486.279.878	3.401.425.233
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	1.808.034.219	301.532.000
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	169.107.821	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	5.203.600	55.560.900
Chi phí tài chính khác	1.130.396	7.508.802
	11.469.755.914	3.766.026.935

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	267.654.514	34.870.033
Chi phí nhân công	9.840.453.420	8.696.952.067
Chi phí khấu hao tài sản cố định	307.838.803	273.190.043
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.982.890.327	6.529.325.002
Chi phí khác bằng tiền	4.642.580.739	2.662.315.126
	22.041.417.803	18.196.652.271

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	270.779.263	310.000.297
Chi phí nhân công	4.275.462.208	4.700.496.953
Chi phí đồ dùng văn phòng	7.968.727	22.406.255
Chi phí khấu hao tài sản cố định	325.434.448	266.232.588
Thuế, phí và lệ phí	155.207.276	13.860.391
Chi phí dự phòng	151.189.357	3.766.933.891
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.266.347.122	1.595.415.446
Chi phí khác bằng tiền	6.799.463.755	6.160.788.723
Lợi thế thương mại	1.889.292.147	-
	17.141.144.303	16.836.134.544

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành	6.926.295.703	6.609.172.961
	6.926.295.703	6.609.172.961



26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	29.372.350.568	30.568.773.976
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng		
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	29.372.350.568	30.568.773.976
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	14.591.402	14.902.146
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.013	2.051

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	129.050.926.780	125.736.920.602
Chi phí nhân công	14.115.915.628	13.397.449.020
Chi phí khấu hao tài sản cố định	633.273.251	539.422.631
Chi phí dịch vụ mua ngoài	52.096.620.458	44.645.768.211
Chi phí khác bằng tiền	12.972.381.998	14.127.320.544
	208.869.118.115	198.446.881.008

11105-
 NG TY
 HIỆM HỮU
 VỤ TƯ V
 NH KẾ TOÁ
 ỀM TOÁN
 TIỆM-TP

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2012		01/01/2012	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.723.397.633	-	46.313.892.365	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	42.175.486.003	-	37.399.674.866	-
Các khoản cho vay	-	-	3.255.260.208	-
Đầu tư ngắn hạn	118.776.400	(99.064.900)	118.776.400	(93.861.300)
Đầu tư dài hạn	7.750.000.000	-	7.000.000.000	-
Cộng	72.767.660.036	(99.064.900)	94.087.603.839	(93.861.300)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	60.379.025.896	-
Phải trả người bán, phải trả khác	27.212.860.444	56.103.864.089
Chi phí phải trả	5.249.032.731	2.563.173.201
Cộng	92.840.919.071	58.667.037.290

Công ty chưa thể đánh giá được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ



hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2012				
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.723.397.633	-	-	22.723.397.633
Phải thu khách hàng, phải thu khác	42.175.486.003	-	-	42.175.486.003
Các khoản cho vay	-	-	-	-
Đầu tư ngắn hạn	19.711.500	-	-	19.711.500
Đầu tư dài hạn	-	-	7.750.000.000	7.750.000.000
Cộng	64.918.595.136	-	7.750.000.000	72.668.595.136
Tại ngày 01/01/2012				
Tiền và các khoản tương đương tiền	46.313.892.365	-	-	46.313.892.365
Phải thu khách hàng, phải thu khác	37.399.674.866	-	-	37.399.674.866
Các khoản cho vay	-	3.255.260.208	-	3.255.260.208
Đầu tư ngắn hạn	24.915.100	-	-	24.915.100
Đầu tư dài hạn	-	-	7.000.000.000	7.000.000.000
Cộng	83.738.482.331	3.255.260.208	7.000.000.000	93.993.742.539

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2012				
Vay và nợ	40.379.025.896	20.000.000.000	-	60.379.025.896
Phải trả người bán, phải trả khác	25.990.834.444	-	-	25.990.834.444
Chi phí phải trả	5.249.032.731	-	-	5.249.032.731
Cộng	71.618.893.071	20.000.000.000	-	91.618.893.071
Tại ngày 01/01/2012				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán, phải trả khác	56.103.864.089	-	-	56.103.864.089
Chi phí phải trả	2.563.173.201	-	-	2.563.173.201
Cộng	58.667.037.290	-	-	58.667.037.290

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

29. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Ngày 25/01/2013, thực hiện theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 01-2013/NQ-HĐQT ngày 10/01/2013, Công ty đã thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2012 bằng tiền mặt mức 13%/cổ phiếu (01 cổ phiếu được nhận 1.300 đồng).

Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

001
CỔ
HCH N
CH V
CHIN
KIẾ
ANK

30. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận chính yếu- theo lĩnh vực kinh doanh

	Kinh doanh sách và thiết bị giáo dục	Kinh doanh Bất động sản và xây dựng	Loại trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	319.842.994.369	2.464.271.551		322.307.265.920
Tổng doanh thu thuần	319.842.994.369	2.464.271.551	-	322.307.265.920
Tổng chi phí mua TSCĐ	(103.908.181)	-	-	(103.908.181)
Tài sản bộ phận	299.473.620.959	99.969.597.323	(126.622.588.422)	272.820.629.860
Tài sản không phân bổ				23.301.269.812
Tổng tài sản	299.473.620.959	99.969.597.323	(126.622.588.422)	296.121.899.672
Nợ phải trả của các bộ phận	101.070.649.990	3.151.816.433	(4.614.245.573)	99.608.220.850
Tổng nợ phải trả	101.070.649.990	3.151.816.433	(4.614.245.573)	99.608.220.850

Báo cáo bộ phận thứ yếu - theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty được diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

31. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Bán hàng			
Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam	Cty mẹ của Tập đoàn	251.905.656	-
NXBGD tại Hà Nội	Trực thuộc NXBGD	69.163.191	-
NXBGD tại Cần Thơ	Trực thuộc NXBGD	6.375.000	-
Mua hàng			
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Cty mẹ của Tập đoàn	39.806.672.727	31.802.931.864
NXBGD tại Hà Nội	Trực thuộc NXBGD	15.083.035.271	10.392.045.454
NXBGD tại Đà Nẵng	Trực thuộc NXBGD	125.301.000	368.967.751
NXBGD tại Cần Thơ	Trực thuộc NXBGD	-	7.163.160.825
NXBGD tại TP HCM	Trực thuộc NXBGD	18.382.000	-
Lãi vay phải thu			
Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam	Cty mẹ của Tập đoàn	592.007.370	2.928.318.644
Xuất trả lại vật tư			
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Cty mẹ của Tập đoàn	38.997.272.727	-
Trả cổ tức			
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Cty mẹ của Tập đoàn	-	8.008.500.000

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	31/12/2012	01/01/2012
		VND	VND
Phải thu vốn cho vay			
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Cty mẹ của Tập đoàn	-	3.255.260.208
Phải trả			
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Cty mẹ của Tập đoàn	364.446.642	57.148.691
NXBGD tại Hà Nội	Trực thuộc NXBGD	480.251.551	9.780.498.701
NXBGD tại Đà Nẵng	Trực thuộc NXBGD	261.491.100	327.391.500
NXBGD tại TP HCM	Trực thuộc NXBGD	18.382.000	-
NXBGD tại Cần Thơ	Trực thuộc NXBGD	322.916.497	349.203.997

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

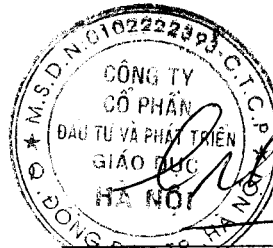
	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc, HĐQT và Ban kiểm soát	1.511.807.599	1.360.495.021

32. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.



Dương Thị Việt Hà
Kế toán trưởng



Vũ Bá Khánh
Tổng Giám đốc



Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2013